

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA – ĐỀ 22**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****PHẦN I: ĐỌC – HIỂU**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Ứng xử là thái độ, hành vi, lời nói thích hợp trong quan hệ giao tiếp giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Thuật ngữ văn hóa đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có cách ứng xử giữa họ với nhau, giữa họ với môi trường sống. Nhưng văn hóa ứng xử được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình,...*

(2) *...Ở các nền văn hóa khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung. Đó là sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương đối với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử khuyến mọi người tu tâm dưỡng tính với sáu chữ: nhất nhật tam tỉnh ngộ thân. Đối với người Nhật, nhân cách văn hóa được công thức hóa: thiện, ích, đẹp. Nước ta coi trọng mục tiêu giá trị: chân, thiện, mỹ. Ở châu Âu, người ta nói tính cách, khi bàn giá trị nhân cách tiêu biểu dân tộc. Tính cách Nga được thể hiện ở lòng đôn hậu, tình thủy chung, nghĩa cử quốc tế cao cả. Khẩu hiệu tri thức là sức mạnh được nhiều nước tư bản châu Âu viện dẫn và ảnh hưởng tới hành động đã mấy trăm năm.. Bí quyết hàng đầu của người Do Thái là sự trọng học, đề cao vai trò của trí tuệ, tôn sùng học vấn và tài năng. Để con gái lấy được học giả, hoặc lấy được con người là học giả làm vợ thì không tiếc tài sản. Tuy nhiên, họ cũng coi tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào chú lừa chỉ biết thò trên lưng sách vở,...*

(Trích “Văn hóa ứng xử, noi thêm những điều cần nói”, Hồ Sĩ Vịnh, Tạp chí Văn học Nghệ thuật, số 332, tháng 2 – 2012)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 2. Theo tác giả, “ở các nền văn hóa khác nhau có hệ quy chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung” là gì?

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: “...tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào cú lừa chỉ biết thò trên lưng sách vở,...”. Vì sao?

PHẦN II. LÀM VĂN

Câu 1:

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ngôn ngữ giao tiếp của các bạn trẻ trong giai đoạn hiện nay.

Câu 2:

Về hình tượng Sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân, có ý kiến cho rằng: Sông Đà hiện lên như một nhân vật sống động có hai nét tính cách: hung bạo và trữ tình.

Bằng cảm nhận hình tượng Sông Đà, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

Đáp án đề 22**PHẦN I: ĐỌC – HIỂU****Câu 1:**

- Thao tác lập luận chính trong đoạn (2): So sánh.

Câu 2:

- Giá trị chung đó là: *Sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ.*

Câu 3:

- Nội dung chính của đoạn trích: Mặc dù văn hóa ứng xử của các dân tộc trên thế giới đều giống nhau ở điểm mọi dân tộc đều sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ nhưng ở mỗi dân tộc lại có những hệ quy chuẩn riêng. Sống có văn hóa và ứng xử có văn hóa là nét đẹp của con người.

Câu 4:

- Đồng ý với ý kiến đó.

- Vì: Tri thức mới chỉ là những thứ tồn tại trên sách vở, chưa được áp dụng vào thực tiễn, chưa có ích đối với con người và xã hội. Tri thức chỉ thực sự có ích khi nó được áp dụng vào thực tế, đem lại những hiệu quả trong cuộc sống của con người.

PHẦN II: LÀM VĂN**Câu 1:**

* **Giới thiệu vấn đề.**

* **Giải thích vấn đề.**

- Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu để con người tư duy, trao đổi thông tin và thiết lập các mối quan hệ trong xã hội.

- Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe nhằm đạt được một mục đích nào đó. Ngôn từ giao tiếp là ngôn từ được giới trẻ sử dụng

một cách phổ biến để trao đổi thông tin, tình cảm với nhau. Chúng có những đặc điểm khác biệt so với ngôn ngữ giao tiếp chung.

*** Phân tích vấn đề.**

- Thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ hiện nay:

+ Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ có xu hướng lệch chuẩn văn hóa.

+ Học sinh ngày càng khó khăn trong quá trình sử dụng ngôn từ trong việc thể hiện những quan điểm, tư tưởng của bản thân. Không chỉ vậy học sinh còn sử dụng không đúng chức năng ngôn ngữ, lối giao tiếp còn thô lỗ, thiếu lịch sự.

+ Học sinh sử dụng quá nhiều tiếng lóng, tiếng bồi trong giao tiếp, làm mất đi sự trong sáng, vẻ đẹp vốn có của tiếng Việt.

- Nguyên nhân:

+ Quá trình hội nhập quốc tế, sự phát triển công nghệ thông tin, không thể phủ nhận rằng chúng đem lại cho tiếng Việt một lượng từ lớn nhưng bên cạnh đó cũng để lại không ít hệ lụy.

+ Giới trẻ chưa ý thức đúng được việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng tùy tiện, cầu thả, thiếu trách nhiệm làm cho ngôn ngữ giao tiếp bị xáo trộn, dung tục.

- Chứng minh:

+ Thay vì nói “đồng ý” họ dùng “okie”, “tình yêu” thành “tênh iu”,...

+ Tạo thành ngữ vô nghĩa: “Chán như con gián”, “buồn như con chuồn chuồn”,...

+ Lối nói, viết nửa tây nửa ta dung tục: “”bye nhé”, 4U (for you),...

+ Lối viết tắt: “k0 bjt” “1m j tke”, “dzay là zui ròi đó”,...

- Hệ quả của việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện:

+ Làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

+ Khó khăn trong việc diễn đạt một câu, một ý hoàn chỉnh trong giao tiếp.

+ Làm ảnh hưởng tới văn hóa ứng xử của con người. Khi những từ ngữ tốt đẹp không còn được sử dụng hoặc sử dụng không đúng chức năng thay vào đó là lớp từ với kết cấu ngữ pháp lỏng lẻo, thiếu trong sáng, cùng với cách sử dụng ngôn

ngữ tùy tiện làm cho câu nói không biểu đạt được hết ý nghĩa của nó, hoặc đem đến những hàm nghĩa tiêu cực.

+ Việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thiếu chuẩn mực có thể nảy sinh những hiện tượng bạo lực trong cuộc sống. Chỉ vì một lời nói tắt, một câu nói tối nghĩa gây hiểu nhầm, xích mích là đã gây ra xung đột. Theo thống kê, hơn 60 vụ đánh nhau hiện nay đều do liên quan đến vấn đề lời nói.

- Giải pháp:

+ Bố mẹ cần làm gương cho con cái, trong quá trình sử dụng ngôn ngữ cần phải dùng đúng chuẩn mực, uốn nắn lại con khi có những hiện tượng lệch chuẩn ngôn ngữ.

+ Nhà trường giáo dục để học sinh ý thức được việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là rất quan trọng và cần thiết.

+ Bản thân mỗi bạn học sinh phải biết tự trau dồi, rèn luyện tiếng Việt. Tiếp thu và sử dụng tiếng nước ngoài có chọn lọc, đúng chuẩn mực.

* Bài học

- Mỗi học sinh cũng như tất cả mọi người phải có ý thức rèn luyện ngôn ngữ giao tiếp. Luôn vận dụng đúng đắn cách phương tiện giao tiếp để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Đặc biệt là với các bạn học sinh cần có ý thức rèn luyện theo những chuẩn mực tốt đẹp, sử dụng ngôn ngữ đúng, đủ và hay, tiếp thu trên tinh thần chọn lọc.

Câu 2:

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân
- Giới thiệu tác phẩm *Người lái đò sông Đà*
- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận

2. Thân bài

2.1. Con sông hung bạo:

a) Sự hung bạo thể hiện ở cảnh đá bờ sông dựng vách thành:

- Hình ảnh “*mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đứng ngó mới có mặt trời*” đã gợi ra được độ cao và diễn tả được cái lạnh lẽo, âm u của khúc sông.

- Hình ảnh so sánh “*vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu*” đã diễn tả sự nhỏ hẹp của dòng chảy gợi ra lưu tốc rất lớn nhất là vào mùa nước lũ với bao nhiêu nguy hiểm rình rập.

- Bằng liên tưởng độc đáo, Nguyễn Tuân đã tiếp tục khắc sâu ấn tượng về độ cao của những vách đá, sự lạnh lẽo, u tối của đoạn sông và sự nhỏ hẹp của dòng chảy “*ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện*”.

b) Sự hung bạo thể hiện ở ghềnh đá “quãng mặt ghềnh Hát Loóng”

- Nhân hóa con sông như một kẻ chuyên đi đòi nợ thuê: dữ dằn, gắt gao, tàn bạo.

- Điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc (*nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió*) được hỗ trợ bởi những thanh trắc liên tiếp đã tạo nên âm hưởng dữ dội, nhịp điệu khẩn trương, dồn dập như vừa xô đẩy, vừa hợp sức của sóng, gió và đá khiến cho cả ghềnh sông như sôi lên, cuộn chảy dữ dằn, tạo nên một môi đe dọa thực sự đối với bất kì người lái đò nào “*quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra*”.

c) Sự hung bạo thể hiện ở những “cái hút nước” chết người:

- Sự khủng khiếp, hung bạo:

+ Được tái hiện từ các góc nhìn khác nhau: từ trên nhìn xuống mặt nước sông “*giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu*”; từ dưới lòng sông nhìn ngược lên “*thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan up vào...*”

+ Được cảm nhận từ các vị thế trải nghiệm khác nhau:

> Vị thế của người quay phim “*ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút sông Đà...*”

> Vị thế của người xem phim “*thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vớt vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn...*”

+ Được cảm nhận bằng các giác quan khác nhau: thị giác là những hình ảnh liên tưởng độc đáo và mới lạ; thính giác: lúc thì “*nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc*”, lúc thì “*nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào*”

- **Giải pháp:** “*Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu...*”

→ Đó chính là sự minh chứng rõ nhất cho mức độ nguy hiểm tột cùng của những cái hút nước.

- **Hậu quả khủng khiếp mà những cái hút nước gây ra:**

+ “*Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống*”

+ “*Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và bị đi ngằm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới*”

d) Sự hung bạo thể hiện ở chiến trường sông Đà

* **Dấu hiệu đầu tiên là âm thanh tiếng nước thác:** Âm thanh phong phú: lúc thì nghe như là oán trách, lúc như van xin, khi thì khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo, đặc biệt có lúc rống lên gầm thét những âm thanh cuồng nộ, ghê sợ để trấn áp con người.

* **Các trùng vi thạch trận:**

- **Trùng vi thạch trận thứ nhất**

+ Đó là “*cả một chân trời đá*”, “*mặt hòn đá nào trông cũng ngổ ngược, hòn nào cũng nhẵn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này*”.

+ Đá ở con thác này biết bày binh bố trận như Binh pháp Tôn Tử, gồm năm cửa trận, trong đó “*có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông*”.

+ Cửa sinh lại chia làm ba tuyến- tiền vệ, trung vệ, hậu vệ- đòi ăn chết con thuyền đơn độc.

Khi thạch trận bày xong, đá phối hợp với nước thác dữ dội và nham hiểm

- **Trùng vi thạch trận thứ hai**

+ Khúc sông này càng tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền, và cũng chỉ có một cửa sinh. Cửa sinh ấy lại không kém phần nguy hiểm khi “*thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào*”

+ Phối hợp với đá là “*dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh (lao nhanh) trên sông đá*”

+ Cùng với đó là bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ xô ra, đòi “*núu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử*”.

- *Trùng vi thạch trận thứ ba*

Ít cửa ra vào, “*bên phải bên trái đều là luồng chết cả*”, chỉ có một luồng sông lại “*ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác*”

2.2 Con sông trữ tình:

a) *Góc nhìn từ trên cao (máy bay), Sông Đà mang vẻ đẹp của một mỹ nhân*

* Từ trên cao nhìn xuống, dòng chảy uốn lượn của con sông giống như “*cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình*”, đặc biệt là giống như mái tóc của người thiếu nữ “*con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân*”.

- Dòng sông mang vẻ đẹp của một áng tóc trữ tình mềm mại, tha thướt và duyên dáng.

- Vẻ đẹp của dòng sông hài hòa với núi rừng Tây Bắc, được núi rừng điểm tô thêm cho nhan sắc mỹ miều.

* Nhìn ngắm sông Đà từ nhiều thời gian khác nhau, tác giả đã phát hiện ra những sắc màu tươi đẹp và đa dạng của dòng sông. Màu nước biến đổi theo mùa, mỗi mùa có vẻ đẹp riêng trong cách so sánh rất cụ thể:

- Mùa xuân, nước Sông Đà xanh màu “*xanh ngọc bích*”, tươi sáng, trong trẻo, lấp lánh.

- Mùa thu, nước Sông Đà lại “*lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về*”.

- Đặc biệt, nhà văn khẳng định chưa bao giờ con sông có màu đen như thực dân Pháp đã “*đè giữa con sông ta ra đổ mực Tây vào*”, và gọi bằng cái tên lếu láo Sông Đen.

b) Góc nhìn từ bờ bãi sông Đà, dòng sông mang vẻ đẹp của một “cổ nhân”

- Vẻ đẹp của nước Sông Đà gợi nhớ đến một trò chơi của con trẻ “*trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy*”, đẹp một cách hồn nhiên và trong sáng

- Vẻ đẹp của nắng sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới Đường thi “*tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”*” (Xuôi thuyền về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói).

- Vẻ đẹp của bờ bãi sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới thần tiên trong khu vườn cổ tích “*bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bướm bướm trên sông Đà*”.

→ Nhà văn đã cảm nhận được cái chất “*đằm đằm ấm ấm*” thân thuộc khi gặp lại sau một thời gian “*ở rừng đi núi đã hơi lâu*”.

c) Góc nhìn từ giữa lòng sông Đà, con sông mang vẻ đẹp của một người tình nhân:

- Đó là vẻ đẹp tĩnh lặng, yên ả, thanh bình như còn lưu lại dấu tích của lịch sử cha ông.

- Đó là vẻ đẹp tươi mới, tràn trề nhựa sống, như bắt đầu một mùa nảy lộc sinh sôi.

- Đó còn là vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính

→ Cảnh đẹp trữ tình đã gợi cảm hứng cho thi ca bao đời. Vẻ đẹp ấy đã cùng với sông Đà chảy qua không gian, thời gian, và đặc biệt là chảy qua cả những áng thơ ca bao đời, thơ Nguyễn Quang Bích rồi Tản Đà... để trở thành bất tử. Trong cái nhìn của thi sĩ Tản Đà, Sông Đà đã trở thành “*một người tình nhân chưa quen biết*”.

2.3 Đánh giá:

*** Nghệ thuật xây dựng hình tượng:**

- Tác phẩm cũng cho thấy sự tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuân. Vốn sống phong phú và trí tưởng tượng dồi dào đã giúp nhà văn tạo nên những trang viết hết sức độc đáo và có giá trị nghệ thuật cao.

- Nhà văn cũng đã thể hiện tài năng điêu luyện của một người nghệ sĩ ngôn từ.

*** Ý nghĩa của hình tượng Sông Đà:**

- Sông Đà hiện lên qua những trang văn của NT không chỉ thuần túy là thiên nhiên, mà còn là một sản phẩm nghệ thuật vô giá.

→ Qua đây tác giả cũng kín đáo thể hiện tình cảm yêu nước tha thiết và niềm say mê, tự hào với thiên nhiên của quê hương xứ sở mình.

- Hình tượng sông Đà còn có ý nghĩa là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của con người - người lái đò trên dòng sông.

3. Kết bài

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

Xem thêm: Đề và Lời giải chi tiết Đề thi thử THPT Quốc gia môn Ngữ văn mới nhất tại [Tuyensinh247.com](https://tuyensinh247.com)

Loigiai hay.com